Ảnh hưởng của di dân đến biến đổi cơ cấu dân số ở khu vực nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (nghiên cứu trường hợp tỉnh An Giang)

Quách Thị Hồng[1]

Nhận ngày 2 tháng 3 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 7 năm 2021.

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự thay đổi của cơ cấu dân số ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang do quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện tại hóa đất nước nói chung và tỉnh An Giang nói riêng. Ngày nay, sự chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường cùng với sự biến đổi khí hậu ít nhiều ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp ở khu vực nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Từ đó, tạo ra lực hút, hút nguồn lao động đến các thành phố phát triển và lực đẩy, đẩy người lao động thất nghiệp ở các vùng nông thôn phải rời bỏ quê nhà để tìm kiếm nguồn sinh kế mới. Di cư là yếu tố sống còn của người lao động nông thôn nhưng cũng tạo ra những vấn đề xã hội cần quan tâm.

Từ khóa: Di dân, di cư, dân số, An Giang, Đồng bằng sông Cửu Long.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: The paper analyses the change of population structure in rural areas of An Giang Province, which resulted from the process of accelerating industrialisation and modernisation of the country in general and the province in particular. Today, the shift to a market economy along with climate change has more or less affected the agricultural production process in rural areas of the Mekong Delta. That created forces attracting labour to developed cities and those pushing unemployed workers in the areas out of their homeland in search of new sources of livelihood. Migration is a factor of survival for rural workers, but it also creates social problems to which attention needs to be paid.

Keywords: Migrant, migration, population, An Giang, Mekong Delta.

Subject classification: Sociology

[1] Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học An Giang.
Email: qthong@agu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, dân số có vai trò rất to lớn, dân số vừa là lực lượng sản xuất vừa là lực lượng tiêu dùng. Vì vậy, quy mô, cơ cấu, phân bố, tốc độ và chất lượng dân số có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Xã hội càng phát triển, mức sinh và mức tử sẽ giảm, tuổi thọ bình quân được nâng cao. Từ đó, cho thấy tác động mạnh mẽ của các yếu tố kinh tế - xã hội đến các yếu tố của dân số như: sinh, tử, kết hôn, di dân.

Hàng năm, Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng luôn tổ chức các cuộc điều tra dân số, chủ yếu tập trung vào sự vận động và biến đổi của dân số như: quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, biến động về dân số… Những số liệu thực tế có được giúp cho các nhà quản lí có thể nhận diện rõ bức tranh dân số của quốc gia đang diễn tiến như thế nào để có những định hướng phát triển dân số phù hợp, vừa phát triển kinh tế bền vững vừa đảm bảo giáo dục, an sinh xã hội. Bên cạnh đó, các dự báo dân số trong tương lai cũng có ý nghĩa quyết định tới mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong việc hoạch định các chính sách, chiến lược quốc gia.

Bài viết tập trung nghiên cứu và phân tích sự tác động của nền kinh tế thị trường cũng như sự ảnh hưởng phần nào của biến đổi khí hậu đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và nguồn lao động nông thôn. Kéo theo đó là làn sóng di cư ồ ạt trong hơn thập kỷ qua. Đặc biệt là sự di cư của lao động nữ đã làm thay đổi sự phân công lao động trong các gia đình nông thôn tỉnh An Giang nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung.

An Giang là một trong 3 tỉnh thành của khu vực ĐBSCL có tình trạng di cư đông nhất. Đặc biệt là những lao động trẻ di cư đến các tỉnh, thành phố lớn như: Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương… và cả xuất khẩu lao động sang một số nước như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản... Chính sự di cư ồ ạt của nguồn lao động trẻ đã làm phát sinh những vấn đề xã hội ở khu vực nông thôn, như: thiếu nguồn lao động trẻ sáng tạo ở khu vực nông thôn; người già và trẻ nhỏ thiếu sự quan tâm chăm sóc từ người thân di cư, đặc biệt là gánh nặng chăm trẻ nhỏ đặt lên vai những người già… Từ đó, khu vực nông thôn dần dần trở thành nơi chậm phát triển cả về kinh tế lẫn đời sống xã hội.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phân tích thông tin thứ cấp

Nghiên cứu, phân tích và sử dụng các dữ liệu thống kê quốc gia, các báo cáo số liệu thống kê do Sở Lao động Thương Binh và Xã hội tỉnh An Giang, Cục Thống kê tỉnh An Giang, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tỉnh An Giang cung cấp.

2.2. Thu thập và phân tích thông tin nguyên cấp

Việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với công cụ phỏng vấn sâu sẽ làm sáng tỏ một số vấn đề cần quan tâm, cụ thể như: sự tác động của nền kinh tế thị trường đến đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là phụ nữ xuất cư và gia đình họ; sự thay đổi trong phân công lao động trong gia đình

như về sản xuất và tái sản xuất, nuôi dưỡng; cũng như các vấn đề giới tồn tại trong gia đình có phụ nữ xuất cư, những vấn đề phát sinh và những mong muốn, nguyện vọng của phụ nữ xuất cư và gia đình họ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng biến đổi cơ cấu dân số ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang

Theo Pháp lệnh dân số năm 2003 thì dân số là tập hợp người sinh sống trong một quốc gia, khu vực, vùng địa lý kinh tế hoặc một đơn vị hành chính. Dân số luôn biến động theo thời gian và không gian. Những biến động về dân số có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và xã hội. Trong đó, cơ cấu dân số là sự phân chia toàn bộ dân số thành các bộ phận khác nhau theo một số tiêu chí nhất định. Các loại cơ cấu dân số chủ yếu được sử dụng nhiều trong dân số học là: cơ cấu theo giới tính, tuổi, lao động, trình độ học vấn, khu vực nông thôn và thành thị... Sự thay đổi cơ cấu tuổi dân số của một quốc gia là căn cứ rất quan trọng để quốc gia đó có thể hoạch định chính sách phát triển kinh tế, thị trường lao động, y tế, giáo dục, chính sách xã hội,… (Nguyễn Mạnh Tiến, 2013).

Có rất nhiều cách thức khác nhau để phân chia tổng dân số, mỗi cách thức phục vụ cho những mục đích nghiên cứu khác nhau và có ý nghĩa trong việc phân tích, đánh giá và điều chỉnh quá trình dân số theo hướng có lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài và ổn định.

Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh An Giang, tổng số dân số của tỉnh An Giang là 1.908.352 người; trong đó nam là 847.570 người (chiếm 49,65%) và nữ là 960.782 người (chiếm 50,35%). Huyện có dân số đông nhất là Chợ Mới, với 307.981 người; tiếp đến là thành phố Long Xuyên với 272.365 người (Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2019).

An Giang hiện là tỉnh có dân số đông nhất khu vực ĐBSCL và là địa phương đông dân thứ tám trong cả nước chỉ sau Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Bình Dương và Hải Phòng. Sau 10 năm, tính từ thời điểm Tổng điều tra dân số 1/4/2009, quy mô dân số của An Giang giảm khá nhiều, giảm hơn 234 ngàn người. Và là tỉnh có mức độ di dân đi khỏi địa phương làm ăn xa nhiều nhất trong 63 tỉnh, thành trong cả nước. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm giai đoạn 2009 - 2019 của tỉnh An Giang là -1,16%/năm (cả nước là +1,14%).

Dân số An Giang giảm so với 10 năm trước chủ yếu ở khu vực nông thôn chiếm 97,6%, giảm gần 229 ngàn người; các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh dân số đều giảm so với năm 2009, trong đó nhiều nhất các huyện có quy mô dân số lớn, các huyện biên giới như: Chợ Mới giảm hơn 37.200 người; Châu Phú giảm gần 38.500 người; Phú Tân giảm gần 38.200 người, An Phú giảm hơn 29.000 người. Thông tin thu thập cho thấy, dân số An Giang giảm tập trung ở hai nhóm người: thứ nhất là đi làm ăn xa ngoài tỉnh và thứ hai là sinh viên đi học ngoài tỉnh. Điển hình, huyện Chợ Mới có gần 50.000 người đi làm ăn xa trên 6 tháng tính từ thời điểm 1/4/2019; thị xã Tân Châu có hơn 32.000 người; huyện Châu Phú hơn 36.000 người; huyện Phú Tân hơn 19.000 người.

Bảng 1: Dân số ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang tính theo đơn vị người

Địa bàn	Năm 2010	Năm 2018
Thành phố Long Xuyên	36.290	33.584
Thành phố Châu Đốc	13.166	10.708
Huyện An Phú	156.834	158.348
Thị xã Tân Châu	108.754	107.252
Huyện Phú Tân	173.218	170.038
Huyện Châu Phú	227.054	227.669
Huyện Tịnh Biên	85.596	87.471
Huyện Tri Tôn	105.196	103.363
Huyện Châu Thành	147.306	146.586
Huyện Chợ Mới	316.501	315.575
Huyện Thoại Sơn	137.932	136.715

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2018

a) Sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi

Cơ cấu dân số theo tuổi phụ thuộc vào mức sinh, mức tử và mức độ di dân của dân số. Trong đó, di dân tác động đáng kể đến cấu trúc tuổi và giới tính của dân số nông thôn và thành thị. Kể từ khi nền kinh tế chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, di cư trong nước đã thay đổi với cường độ ngày một tăng. Ở Việt Nam, do độ tuổi lao động được quy định là từ 15 - 59 tuổi, các tỷ số phụ thuộc và chỉ số già hóa thường được tính với nhóm dân số trong và trên độ tuổi lao động, lần lượt là 15 - 59 tuổi và từ 60 tuổi trở lên.

Cũng giống như các khu vực nông thôn khác của ĐBSCL, trong những năm qua, lực lượng lao động ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang không ngừng biến động. Một lượng lớn lao động ở các vùng nông thôn An Giang di cư đến các thành phố lớn để tìm kiếm cơ hội việc làm hay nâng cao tay nghề chuyên môn hoặc tiếp cận một nền giáo dục hiện đại hơn. Biểu đồ 1 cho thấy, trong năm 2010, nguồn lao động ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang là 913.378 người, nhưng đến 2018 thì chỉ còn 860.655 người.

Biểu đồ 1: Số lượng lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang

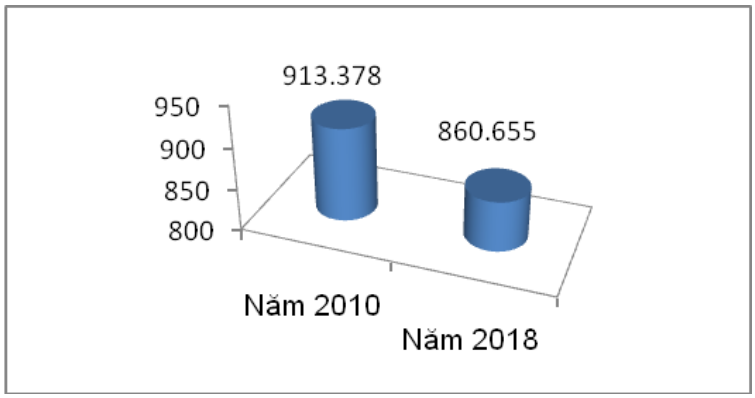

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2018

Tuy là tỉnh có dân số đông nhưng hiện tượng nổi lên rất đáng quan tâm là số lượng người rời khỏi địa phương đi làm ăn xa của tỉnh nhiều nhất so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Theo báo cáo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Cục Thống kê tỉnh An Giang, nếu như năm 2009, quy mô dân số toàn tỉnh là 2.142.709 người thì đến thời điểm tổng điều tra vừa qua chỉ còn 1.908.352 người. Như vậy, dân số đã giảm đến hơn 234.000 người. Trên cơ sở thông tin thu thập cho thấy, dân số giảm tập trung chủ yếu ở 2 nhóm người: thứ nhất là người lao động đi làm ăn xa ngoài tỉnh; thứ hai là sinh viên đi học. Điển hình, tại huyện Chợ Mới, có đến 50.000 người, thị xã Tân Châu 32.000 người, Châu Phú 36.000 người đi làm ăn xa trên 6 tháng (Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2019).

Mối quan hệ giữa di cư lao động và phát triển kinh tế nói chung rất khó xác định một cách rõ ràng và nó phụ thuộc vào từng bối cảnh, giai đoạn nhất định. Điển hình là trường hợp của vùng ĐBSCL, các nghiên cứu khẳng định rằng, khu vực nông thôn (nơi xuất phát của người di cư) thường chịu nhiều bất lợi hơn trong quá trình phát triển so với khu vực thành thị, đặc biệt là sự phát sinh những vấn đề xã hội. Bởi vì, lao động di cư là một bộ phận lao động được chọn lọc liên quan đến năng lực cá nhân về thể lực cũng như trí lực.

Di cư lao động được xem như quyết định hoặc chiến lược của hộ gia đình nhằm cải thiện sinh kế, vì vậy, có nhiều nghiên cứu khai thác vấn đề di cư bằng việc phân tích những tác động di cư của lao động trẻ dẫn đến sự thiếu hụt lao động tham gia sản xuất nông nghiệp hộ gia đình. Một số hộ gia đình phải thuê mướn lao động bên ngoài (đây cũng là những người di cư từ địa phương khác đến). Sự di cư lao động dẫn đến hiện tượng thiếu lao động khi vào mùa vụ, làm cho "sự cân bằng lao động" vốn có của họ trước đây bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, di cư lao động cả gia đình thường làm ảnh hưởng đến quá trình học tập của trẻ em vì chúng phải theo cha mẹ đến nơi làm, điều này cùng với sự thiếu hụt lao động có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống tinh thần của người dân.

Sự biến đổi cơ cấu dân số của nông dân ở khu vực ĐBSCL không chỉ dẫn đến sự phân hóa giàu - nghèo, mà còn dẫn đến sự thay đổi về văn hóa, lối sống, thay đổi hệ giá trị cuộc sống ở khu vực nông thôn. Đó là nguồn gốc dẫn tới những hiện tượng phức tạp trong quan hệ xã hội, phát sinh những tệ nạn, hiện tượng tiêu cực, phá vỡ những truyền thống tốt đẹp, phá vỡ sự cố kết cộng đồng truyền thống vốn có ở nông thôn. Một bộ phận nông dân, chủ yếu là những người già, người về hưu, các gia đình chính sách, những người yếu thế ở nông thôn không thích ứng kịp thời với nền kinh tế thị trường, với thang giá trị mới, xuất hiện tâm lý bất an,

Ngoài ra, quá trình lão hóa dân số ở ĐBSCL đang diễn ra nhanh hơn so với mức trung bình cả nước do tình trạng xuất cư cao của lao động trẻ. Tỉ lệ phụ thuộc của người cao tuổi sẽ tăng lên trong 2 thập niên tới. Kết hợp với nhiều yếu tố, ĐBSCL sẽ đối mặt vấn đề trung hạn là dân số trở nên lão hóa cùng với nghèo hóa, khi những lớp di dân nông thôn - thành thị đầu tiên không tham gia thị trường lao động thành thị và trở về nông thôn sinh sống.

Biến đổi khí hậu đã tác động tiêu cực đến kinh tế của những người sản xuất

nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL, khiến nhiều hộ ven biển tìm đến Đông Nam Bộ kiếm sống.

Lao động trẻ trong độ tuổi 18 - 35 di cư thường làm việc trong những ngành gia công, điện tử… Nhiều người sau 40 tuổi có thể sẽ không còn làm những việc này mà tìm việc khác hoặc trở về nông thôn và trở thành sức ép lớn về kinh tế, chăm sóc y tế cho địa phương, trong khi họ tích lũy được rất ít tài sản.

b) Sự thay đổi cơ cấu dân số theo giới tính

Trước đây, quá trình di cư tập trung nhiều ở nam giới. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, do sự đa dạng các ngành nghề và sự thuận lợi trong quá trình di chuyển nên ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào làn sóng di cư từ nông thôn đến các thành phố lớn.

Trong quá trình công nghiệp hoá, việc thu hẹp diện tích đất nông nghiệp để xây dựng nhà máy và các công trình dịch vụ khác là điều tất yếu. Giảm bớt đất canh tác của nông dân, thay đổi cơ cấu lao động ở nông thôn, chuyển lao động thuần nông sang lao động khác, tạo ra nhiều giá trị sản phẩm và giá trị gia tăng hơn, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế… là những việc cần làm. Tuy nhiên, việc thu hẹp diện tích đất canh tác nông nghiệp để công nghiệp hoá và đô thị hoá ồ ạt đã tạo nên những tác động bất lợi đến đời sống người dân ở nông thôn, đặc biệt là những người nông dân đang trong tình trạng thiếu hụt các nguồn vốn sinh kế.

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, nguyên nhân di cư của phụ nữ là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, trình độ học vấn thấp, lại không có tay nghề chuyên môn nên bản thân họ khó có thể tìm kiếm cho mình một công việc có thu nhập cao và bền vững. Trong khi đó, khu vực họ sinh sống lại ở các vùng nông thôn, thiết hụt những nhà máy, xí nghiệp, những cơ sở giải quyết nhiều việc làm tại chỗ do hạn chế về cơ sở hạ tầng và nhiều yếu tố khách quan khác đã ảnh hưởng đến đời sống kinh tế khó khăn của họ và gia đình.

Mặc dù trong thời gian qua, các ngành, các địa phương ở tỉnh An Giang nói chung và huyện Chợ Mới nói riêng đã hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình; đẩy mạnh việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tích cực vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, nhưng thực tế cho thấy, việc nâng cao thu nhập trên cơ sở một nền nông nghiệp thiếu ổn định, đặc biệt là giá cả nông sản bấp bênh trong thời gian qua làm cho công tác xóa đói, giảm nghèo ở huyện Chợ Mới chưa mang tính bền vững. Phụ nữ quyết định di cư chỉ nhằm mục đích cải thiện đời sống kinh tế cho bản thân, gia đình họ, đặc biệt là có điều kiện cho việc tiếp cận cơ hội giáo dục cho con em mình.

Hầu hết phụ nữ di cư là do sự thiếu hụt về nguồn vốn con người như: trình độ học vấn thấp, tình trạng việc làm không ổn định, số thành viên trong gia đình cao. Bên cạnh đó là sự thiếu hụt cả về nguồn vốn tài chính, vật chất và tự nhiên nên phụ nữ di cư và gia đình họ khá bị động trong quá trình thoát nghèo tại quê nhà. Vì vậy, việc di cư đến các thành phố lớn như: Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Long Xuyên… là chiến lược sinh kế sống còn của chính bản thân và gia đình họ.

Bên cạnh đó, hiện tượng di cư quốc tế do phụ nữ Việt Nam kết hôn với đàn ông Trung Quốc, Hàn Quốc và sau khi ly hôn, họ mang con về quê hương đang đặt ra nhiều vấn đề pháp lý cần được giải quyết. Các vấn đề về di cư và di dân của vùng ĐBSCL đòi hỏi phải có chiến lược, kế hoạch, chương trình, chính sách đồng bộ và lâu dài.

ĐBSCL rất giàu tiềm năng phát triển nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, chế biến, du lịch và tạo nhiều cơ hội việc làm cho lao động nữ. Nhưng hiện nay khu vực này đang đối mặt với nhiều nguy cơ từ biến đổi khí hậu, việc thu hồi đất nông nghiệp phục vụ mục đích khác… kéo theo nhiều hệ lụy ảnh hưởng tới đời sống, việc làm của người dân khu vực nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là đối với lao động nữ. Do đó, lực lượng lao động nữ bỏ địa phương đi làm ăn xa khá nhiều, phụ nữ lao động trong các khu công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn về thời gian chăm sóc gia đình, về tiền lương (chưa đủ sống và lo cho gia đình). Không những vậy, một bộ phận phụ nữ sau 35 tuổi không còn được làm việc hoặc không xin được việc trong các công ty, xí nghiệp, họ về địa phương làm những nghề tự do để kiếm sống, cuộc sống vất vả do thu nhập không ổn định.

Biểu đồ 2: Số lượng người lao động từ 15 tuổi trở lên xét theo giới tính

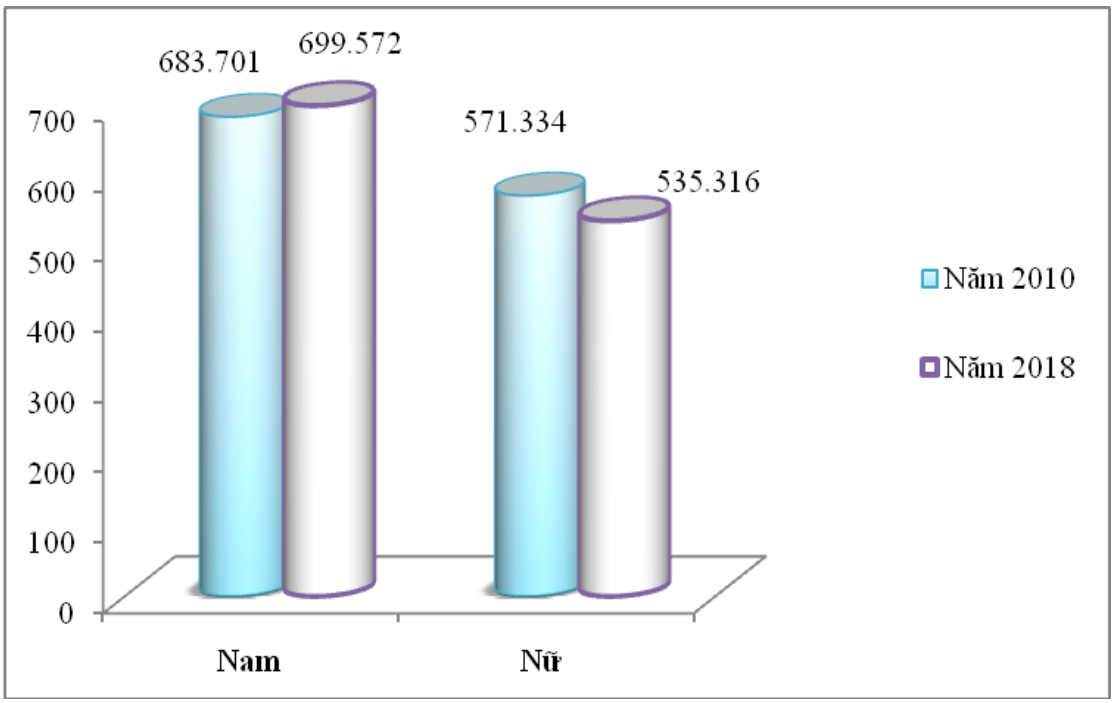

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2018

Trước đây, đời sống gia đình với sự phân công vai trò truyền thống của người vợ gắn với nội trợ và phạm vi hoạt động chủ yếu là trong gia đình và họ hàng. Vì vậy, những kỳ vọng về đóng góp kinh tế hay thăng tiến trong công việc của người phụ nữ được

đánh giá thấp hơn so với nam giới. Khi xã hội bắt đầu công nghiệp hóa và gắn liền với nó là quá trình đô thị hóa, thì mô hình vai trò giới mới có sự biến đổi và phân công lại giữa vợ và chồng. Nền sản xuất trong một xã hội công nghiệp hoá kéo người phụ nữ ra khỏi công việc nội trợ tham gia vào lực lượng lao động xã hội, vì nhu cầu tăng lên, vì quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực. Sự biến đổi gia đình như vậy đã tạo cơ hội tích cực nhất định cho người phụ nữ. Lúc này vợ, chồng cùng làm những công việc giống nhau dù ở bên ngoài gia đình hay cùng chia sẻ với nhau việc nội trợ, chăm sóc con cái… trong gia đình.

Ngày nay, khuôn mẫu giới đã có sự thay đổi nhất định. Chẳng hạn như, phụ nữ và nam giới đều có vai trò trụ cột về kinh tế như nhau. Riêng vai trò tái sản xuất như các công việc nội trợ, chăm sóc con cái và người già thì phụ nữ vẫn được kỳ vọng là làm tốt hơn so với nam giới. Sự thay đổi khuôn mẫu giới thể hiện rõ nét hơn trong những gia đình có phụ nữ di cư, khi có sự tái phân công lại lao động trong gia đình.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu dân số

Hai yếu tố chính tác động đến quyết định di dân của người lao động nông thôn là sự chuyển dịch nền kinh tế thị trường và sự biến đổi khí hậu ở khu vực ĐBSCL nói chung và tỉnh An Giang nói riêng. Một số nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa kinh tế thị trường với cơ cấu dân số. Khi nền kinh tế thị trường thay đổi sẽ kéo sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhiều chiều hướng khác nhau và ngược lại, sự biến động về cơ cấu dân số sẽ kìm hãm hoặc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở từng không gian và thời gian nhất định. Ngoài ra, cơ cấu dân số thường xuyên vận động theo thời gian. Nó có thể tăng hoặc giảm tuỳ theo chuyển hướng biến động của các nhân tố sinh, tử và di dân.

Di dân tác động trực tiếp đến cơ cấu dân số. Sự xuất cư của một bộ phận dân số từ một vùng nào đó làm cho quy mô dân số của vùng giảm đi và ngược lại, số người nhập cư nhiều sẽ làm cho quy mô dân số trong vùng tăng lên. Các cơ cấu tuổi và giới tính của dân số cũng chịu ảnh hưởng nhiều của di dân. Tỷ lệ giới tính giữa các độ tuổi khác nhau trong dân số có nhiều trường hợp có những chênh lệch đáng kể do cường độ và tính chất chọn lọc của di dân.

Có thể khẳng định rằng, sự biến động cơ cấu dân số của bất kỳ vùng nào cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố trên. Nhưng tuỳ thuộc vào các điều kiện kinh tế, xã hội mà sự tác động của các yếu tố đối với mỗi vùng, mỗi quốc gia khác nhau là khác nhau.

ĐBSCL là một trong những khu vực dễ tổn thương nhất trên thế giới bởi suy thoái môi trường và hệ quả của biến đổi khí hậu. Đây là một khu vực có mật độ dân số cao, đất đai màu mỡ và cư dân lệ thuộc nhiều vào nông nghiệp và đánh bắt thủy hải sản. Những hoạt động kinh tế này bị đe dọa nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu, điều này tạo nên làn sóng di cư lớn ở khu vực này nhằm tìm kiếm cơ hội mưu sinh thay thế. Phần lớn những người di cư ở đây là tự phát. Ở những vùng nông thôn được khảo sát, trung bình cứ ba hộ dân thì có hai hộ có một hoặc nhiều thành viên đã từng di cư trong vòng 10 năm qua. Hầu hết những lần di cư này kéo dài hơn một năm nên thường được xem là di cư dài hạn. Các khu vực đô thị ở ĐBSCL và đặc biệt là đô thị trọng điểm

như Tp. Hồ Chí Minh được xem là nơi thu hút nhiều người di cư đến (IOM, 2015, tr.23).

Sự biến đổi cơ cấu kinh tế trong quá trình đổi mới, chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tất yếu dẫn đến sự biến đổi cơ cấu xã hội nói chung và cơ cấu dân số nói riêng. Bên cạnh những thành tựu đạt được do sự chuyển đổi về cơ cấu kinh tế mang lại như: sự biến đổi cơ cấu dân số, lao động ở nông thôn ngày càng tăng, góp phần tăng nhanh nguồn nhân lực (đây là yếu tố rất quan trọng trong lực lượng sản xuất, tích cực thúc đẩy phát triển sản xuất ở tỉnh An Giang) thì sự biến đổi trên cũng đưa đến những hệ quả cần giải quyết, đó là vấn đề việc làm cho lực lượng lao động đang phát triển mạnh trong tỉnh. Khi tư liệu sản xuất và những điều kiện vật chất khác còn hạn hẹp mà lực lượng lao động lại phát triển nhanh thì ở nông thôn sẽ dư thừa lao động và kèm theo đó là tình trạng di dân tự phát từ nông thôn ra thành thị. Vấn đề này đã trở nên bức xúc đối với cả cộng đồng và từng gia đình. Số lao động thừa ngày càng tăng làm cho năng suất lao động chung bị hạ thấp, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của nông nghiệp, đó là chưa kể đến những hậu quả về mặt xã hội (Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, 2014).

Trong khi đó, quá trình tích tụ ruộng đất nông nghiệp cho nhiều mục đích khác nhau đã khiến cho một bộ phận người nông dân không có đất sản xuất. Khả năng giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn còn hạn chế, vì vậy một bộ phận lao động nông thôn gặp nhiều khó khăn khi tìm kiếm việc làm tại địa phương. Cùng với đó là giá cả thị trường không ổn định, sản phẩm có chi phí đầu vào cao trong khi giá bán ra lại thấp; thiên tai thất thường khiến năng suất không được đảm bảo và ổn định (Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Chợ Mới, 2014). Đây là nguyên nhân khiến những người lao động nông thôn đi đến những thành phố lớn tìm kiếm việc làm và nguồn thu nhập.

Sự chuyển đổi cấu kinh tế đã dẫn đến sự dịch chuyển lao động giữa các lĩnh vực nói chung và lao động di cư nói riêng diễn ra khá mạnh mẽ. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2014) cho thấy, các áp lực kinh tế xã hội cũng trở nên rõ rệt. Khi phải chịu nhiều áp lực về rủi ro kinh tế và môi trường, sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo một mức lợi nhuận tối thiểu và duy trì cuộc sống ổn định cho người nông dân. Sự gia tăng bất bình đẳng, không có đất sản xuất, di cư lao động, đặc biệt là vào các khu vực đô thị, là những hệ quả đáng kể nhất. Đồng thời, các thành phần kinh tế cấp hai và cấp ba tại ĐBSCL hiện nay không đủ khả năng để tiếp nhận lực lượng lao động nông nghiệp trước đây. Đây cũng là một trong những nguyên nhân thúc đẩy người lao động đưa ra quyết định di cư. Kết quả là, việc di cư ngày càng tăng.

Trong năm 2018, tỉnh An Giang có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,45%, giảm 0,61% so với năm 2017 (khu vực thành thị là 3,09% và nông thôn là 2,17%). Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 3,09%, tăng 0,48% so với năm 2017 (khu vực thành thị là 2,28% và nông thôn là 3,43%) (Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2018, tr.33).

Nghiên cứu trước đây của Ngô Phương Lan đã phân tích mối quan hệ giữa sản xuất

nông nghiệp và di cư lao động tại vùng ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu phân tích cho thấy, dư thừa lao động mùa vụ, thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm ở nông thôn và các yếu tố bất ổn trong sản xuất nông nghiệp được xem là những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy người dân di cư. Bên cạnh đó, chất lượng lao động di cư ở khu vực BĐSCL chưa cao, nơi đến chủ yếu là Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương. Do đó, số người trong độ tuổi lao động thiếu việc làm, thiếu cơ hội phát triển nghề nghiệp, ngày công, tiền lương thấp (United Nations, 2012).

Actionaid quốc tế tại Việt Nam cho rằng, quyết định di cư là kết quả của một quá trình tương tác của các yếu tố lực đẩy và thu hút. Bối cảnh kinh tế thị trường góp phần giải quyết được nhiều lao động, chất lượng đời sống của người dân không ngừng được nâng cao. Song song với đó, sự phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ cần nhiều lao động nữ đã tạo ra xu hướng nữ hóa di cư. Sự phát triển nền kinh tế thị trường đã tạo ra lực hút lao động di chuyển đến các thành phố lớn và các khu công nghiệp. Bên cạnh đó, mặt trái của nền kinh tế thị trường là sự phân hóa ngày càng sâu sắc giữa khu vực thành thị và nông thôn. Trong khi khu vực thành thị không ngừng mở rộng và phát triển thì khu vực nông thôn lại không ngừng bị thu hẹp và khả năng giải quyết việc làm lại thấp. Khu vực nông thôn lại có nguồn lực lao động dồi dào, tỷ lệ lao động thất nghiệp và thiếu việc làm của người dân ở khu vực nông thôn cao, đời sống kinh tế của một bộ phận người dân nghèo ở khu vực nông thôn ngày càng khó khăn. Vì những yếu tố này nên khu vực nông thôn đã tạo ra lực đẩy, đẩy người lao động đi đến các thành phố và khu công nghiệp lớn để tìm kiếm việc làm và thu nhập ổn định (Actionaid quốc tế tại Việt Nam, 2011).

Bên cạnh đó, nhiều công trình nghiên cứu phân tích chi tiết hơn về lợi ích mà người di cư mang lại cho bản thân và gia đình: tiền gửi về có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng của một bộ phận thành viên cộng đồng nông thôn. Tiền chuyển về đã góp phần xóa đói giảm nghèo cho mỗi hộ gia đình nói riêng và làm thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn nơi đi, giúp làm tăng thu nhập, tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ, đóng góp cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, từng bước nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội cho địa phương, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa nông thôn và đô thị. Trên khía cạnh giới, đó là những bước tiến trong việc nhìn nhận và đánh giá các giá trị của người phụ nữ, cộng đồng đã có cái nhìn chia sẻ hơn đối với những người phụ nữ đi làm ăn xa, đặc biệt là phụ nữ trẻ chưa lập gia đình, những giá trị xã hội mới được cập nhật thường xuyên tạo sự liên kết chặt chẽ giữa nông thôn và thành thị (United Nations, 2012, tr.20).

Một trong những yếu tố tạo nên lực hút là xu hướng "nữ hóa quá trình di cư". Trên bình diện giới, một số tác giả cho rằng, trước đây, đi làm ăn xa kiếm tiền được coi là trách nhiệm của nam giới. Ngày nay, phụ nữ đã trở thành một phần quan trọng trong những dòng di dân ra đô thị với số lượng ngày càng tăng, tham gia vào mọi lĩnh vực như kinh doanh, thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố. Đã có những thay đổi trong khuôn mẫu và chuẩn mực giới, đóng góp kinh tế gia đình cũng đồng thời giúp vai trò và quyền lực của phụ nữ từng bước được nhìn nhận, họ đã có thể đưa ra quyết định, chí ít cũng là nêu ý kiến trước những

cơ hội cải thiện điều kiện kinh tế gia đình, cơ hội thăng tiến xã hội (United Nations, 2012, tr.60). Về lực đẩy, nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc tích tụ ruộng đất cho nhiều mục đích phi nông nghiệp đã làm người nông dân rơi vào cảnh mất đất sản xuất và thiếu việc làm, đời sống kinh tế của một bộ phận người dân nghèo gặp nhiều khó khăn. Trong khi, khả năng giải quyết việc làm của khu vực nông thôn còn hạn chế. Chính những yếu tố khách quan này đã thúc đẩy người nông dân quyết định di cư ra thành thị tìm kiếm việc làm nhằm cải thiện tình trạng kinh tế khó khăn của gia đình, trong đó có phụ nữ.

Trong kết quả điều tra dân số năm 2005, Tổng cục Dân số & Kế hoạch hóa Gia đình Việt Nam đã phân tích và chứng minh rằng, nhân tố kinh tế mà trước hết là thu nhập và việc làm vẫn là động lực chính thúc đẩy quá trình di dân lao động. Trước những rủi ro trong sản xuất trồng trọt và chăn nuôi, sự tụt giá đến mức giới hạn của các mặt hàng nông sản trên thị trường, lao động nông thôn không thể trông chờ vào hạt thóc. Sự chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa nông thôn và thành thị đã hối thúc người nông dân tự nguyện rời bỏ đồng ruộng ra thành phố tìm việc làm. Quá trình dịch chuyển lao động ra đô thị đã làm giảm đáng kể sức ép về nguồn nhân lực và việc làm ở nông thôn. Sự chuyển dịch lao động nông nhàn đến nơi có nhu cầu theo mùa vụ đã phần nào giải quyết lao động thất nghiệp, tạo nguồn thu nhập mới.

Bàn về lực đẩy như là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định di cư của người lao động nữ, Đặng Nguyên Anh cho rằng, quyết định di cư thường được đưa ra khi hộ gia đình đã trải qua và đang gánh chịu khó khăn. Một mặt, những yếu tố mang tính cấu trúc tác động đến quyết định di cư bao gồm nhu cầu đối với nguồn lao động, tiền công thấp mà chủ yếu là lao động nữ. Điều này dễ nhận thấy ở đặc điểm các thị trường lao động có mức độ phân khúc cao ở cả nơi đi lẫn nơi đến. Mức đầu tư vào công nghiệp và nông nghiệp nhìn chung thấp, bởi do tình trạng dư thừa lao động và thiếu đất canh tác. Mặt khác vai trò giới và đặc điểm cá nhân có thể cân bằng lại những yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến quyết định di cư. Điều đáng chú ý là xu hướng này gia tăng cùng với việc phụ nữ ngày càng có tiếng nói hơn trong các quyết định di cư. Hiện tượng nữ hóa di cư sẽ còn tiếp tục cho dù thái độ và quan niệm xã hội về di cư nữ vẫn còn thay đổi chậm chạp ở khu vực Đông Nam Á (Đặng Nguyên Anh, 2013, tr.2).

3.3. Những vấn đề xã hội phát sinh từ sự thay đổi phân công lao động trong gia đình có phụ nữ xuất cư

Kết quả phân tích từ dữ liệu định tính với 8 phụ nữ xuất cư và gia đình họ (người ở lại) ở khu vực nông thôn huyện Chợ Mới tỉnh An Giang cho thấy, phần lớn lao động nữ xuất cư đều có xuất phát điểm nền tảng gia đình tương đối thấp cả về trình độ học vấn, tiềm lực kinh tế, nguồn lực cộng đồng… Họ chủ yếu là lao động phổ thông. Tuy sống ở khu vực nông thôn nhưng những gia đình này lại không có đất ruộng, rẫy để tăng thu nhập. Trong 8 phụ nữ được khảo sát thì có 6 trường hợp trước khi xuất cư nghề nghiệp chủ yếu của họ là làm thuê, làm mướn cho những lò gạch hoặc cắt lúa, cắt cỏ mướn cho những hộ dân trong vùng hoặc khu vực

lân cận, hoặc một số ngành nghề thủ công. Bình quân thu nhập hàng tháng chỉ đủ chi tiêu sinh hoạt cho một cá nhân trong một ngày. Nhìn chung, gia đình phụ nữ xuất cư thiếu hụt về nguồn vốn sinh kế, khả năng tự tạo việc làm và thoát nghèo của họ gặp nhiều khó khăn và trở ngại. Để cải thiện đời sống kinh tế của bản thân và gia đình nên họ quyết định xuất cư và chủ yếu xuất cư cùng với chồng. Cha mẹ già là người ở lại chăm lo nhà cửa và trẻ nhỏ. Từ đây, sự thay đổi phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình vốn đã tồn tại nhiều thế hệ thì nay đã khác đi, tạo nên một sự xáo trộn trong những gia đình có phụ nữ xuất cư ở khu vực nông thôn An Giang.

Điều đáng chú ý hơn nữa đó là sự thay đổi vai trò sản xuất và tái sản xuất của phụ nữ di cư cũng như những thành viên khác trong gia đình có phụ nữ di cư ở huyện Chợ Mới hiện nay.

Phụ nữ xuất cư ít nhiều làm biến đổi vai trò giữa các thành viên trong gia đình, điều này được thể hiện trên tất cả các mặt đời sống vật chất lẫn tinh thần của bản thân và gia đình họ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, các vấn đề trong xã hội đều có những tác động tiêu cực lẫn tích cực; những khó khăn và thuận lợi nhất định. Phụ nữ di cư phải lo lắng cho cả hai nơi, cuộc sống nơi họ nhập cư và cuộc sống nơi quê nhà. Phụ nữ di cư ngày càng chịu sức ép khi phải cố gắng đảm nhận tốt vai trò kinh tế và các vai trò phi kinh tế trong gia đình. Sự xáo trộn về vai trò giới, đời sống tình cảm của các thành viên trong gia đình, vai trò giữa người vợ với chồng, giữa cha mẹ với con cái ngày càng rõ nét hơn. Gánh nặng đè lên đôi vai của những người già như: kinh tế, chăm sóc trẻ nhỏ, bản thân không được quan tâm chăm sóc chu đáo từ người thân khi tuổi già sức yếu.

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã tác động mạnh mẽ đến địa vị của người phụ nữ. Họ đã trực tiếp tham gia vào lao động xã hội và tạo ra thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, trong khi phụ nữ tỏ ra năng động hơn trong việc thực hiện các chiến lược giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho gia đình thì vẫn còn nhiều người đàn ông chưa thực sự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống. Nhiều phụ nữ xuất cư vươn lên làm chủ thực sự của gia đình. Điều này làm cho phụ nữ tự tin hơn vào bản thân mình và nâng cao vị thế của họ trong xã hội.

4. Kết luận

Hiện nay cũng như trong tương lai, mô hình khuyết trong các gia đình có phụ nữ di cư đã và đang được duy trì và tiếp diễn do những chiến lược sinh kế của mỗi gia đình. Dù muốn hay không thì mô hình gia đình khuyết này vẫn được coi là sự lựa chọn phù hợp trong sự biến đổi của xã hội ngày nay. Có thể nói, hoạt động di cư mang lại cũng mang lại lợi ích cho các gia đình. Tuy nhiên, lợi ích chủ yếu mà mọi người nhận thấy là hoạt động di cư mang lại thu nhập cao hơn và cơ hội công ăn việc làm tốt hơn. Điều đó cho thấy, các tác động tích cực, dễ nhận thấy đều mang tính tức thời hay ngắn hạn (như: mang lại thu nhập, thực phẩm, việc làm), trong khi các lợi ích tiềm năng và dài hạn còn chưa được mọi người cảm nhận rõ ràng (như: về giáo dục, kinh doanh, đầu tư, tín dụng…). Do đó, về lâu dài, cần phải có chiến lược

phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang nói riêng và khu vực nông thôn ĐBSCL nói chung, đặc biệt là sự ổn định và phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo ra nhiều cơ hội và động lực để cho mọi đối tượng có thể tiếp cận, thụ hưởng các nguồn lực cộng đồng trong quá trình khởi nghiệp và sáng tạo.

Cần thực hiện tốt công tác tư vấn, định hướng, hỗ trợ hộ gia đình, người lao động tiếp cận với các chính sách trên các lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ; hạn chế lực lượng lao động nữ (trung niên) phải bỏ gia đình, quê hương đi lao động ở những khu cụm công nghiệp, thành phố lớn, rất nhiều rủi ro cho bản thân cũng như con cái và gia đình họ.

Bên cạnh đó, cần có sự trợ giúp và hỗ trợ kịp thời cho nhóm người cao tuổi dễ tổn thương, đặc biệt chú trọng hỗ trợ người cao tuổi neo đơn và chăm sóc trẻ nhỏ trong các gia đình có phụ nữ di cư.

Tài liệu tham khảo

1. Actionaid quốc tế tại Việt Nam (2011), "Phụ nữ di cư trong nước hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội", Báo cáo nghiên cứu của ActionAid Quốc tế tại Việt Nam và Công ty Tư vấn Đông Dương IRC.
2. Đặng Nguyên Anh (2013), "Giới và quyết định di cư: Tiếp cận lý thuyết và liên hệ thực tiễn", trong *Giới và di dân - Tầm nhìn châu Á* (Nguyễn Thị Hồng Xoan - chủ biên), Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
3. Cục Thống kê tỉnh An Giang (2018), *Niên giám thống kê tỉnh An Giang*, Nxb Thanh niên, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Minh Sang (2017), "Sự biến đổi cơ cấu xã hội của nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn hiện nay", Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
5. United Nations (2012), *Giới và tiền chuyển về của lao động di cư,* Nxb Thống kê, Hà Nội.
6. Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới (2013), *Báo cáo kinh tế xã hội.*
7. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2014), *Báo cáo kinh tế xã hội*.
8. Cục Thống kê tỉnh An Giang (2019), "An Giang: Dân số đứng thứ 8 trong cả nước và đứng nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long", http://www.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/home/xem-chi-tiet/6a0e33d5-e5de-4d60-ac9c-, truy cập ngày 06/1/2021.
9. Ngô Phương Lan (2012), "Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khơ me ở Đồng bằng sông Cửu Long", http://ihs.vass.gov.vn/noidung/tapchi/Lists/TapChiSoMoi/View_Detail.aspx?ItemID=45, truy cập ngày 30/12/2020.
10. IOM (2016), "Thích nghi với biến đổi khi hậu thông qua di cư: Một nghiên cứu về trường hợp Đồng bằng sông Cửu Long", https://publications.iom.int/books/adapting-climate-change-through-migration-case-study-vietnamese-mekong-river-delta-vietnamese, truy cập ngày 06/01/2021.
11. Nguyễn Mạnh Tiến (2013), "Các khái niệm cơ bản về dân số và sự biến động của dân số", https://voer.edu.vn/m/cac-khai-niem-co-ban-ve-dan-so-va-su-bien-dong-cua-dan-so/185fc492, truy cập ngày 18/12/2020.